

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 26 -4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Ông Trần Quang Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 4 năm 2024, đối với:

Bị cáo Bùi Văn L, sinh ngày 14/10/1985 tại: Huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn C, sinh năm 1962 và bà: Bùi Thị V, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1990; con: Có 4 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ tháng 02/2004 đến tháng 02/2006 tham gia nghĩa vụ quân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Bị hại:

1. Ông Mai Văn T, sinh năm 1965

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981

Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Nguyễn Bá T1, sinh năm 1959

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960

Cùng nơi cư trú: Thôn D, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Bùi Khắc L, sinh năm 1964

3. Anh Bùi Khắc T3, sinh năm 1990

Cùng nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình

4. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ X, phường B, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, ông T, ông T1, bà B, chị S và chị N; vắng mặt ông L và anh T3)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền chi tiêu cá nhân, Bùi Văn L đã nảy sinh ý định sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Angel, sơn màu xanh, biển số 17H6-1905 đi lang thang, tìm kiếm sơ hở thì đột nhập vào nhà dân để trộm cắp tài sản. Từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2023, L đã 3 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình, như sau:

1. Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 18/6/2023, L điều khiển xe mô tô đi từ nhà theo hướng Quốc lộ 10 rẽ vào đường Thái Hà đến Thôn L, xã X. Khi đi đến khu vực nhà ông Mai Văn T thì phát hiện cổng nhà ông T khóa ngoài, nhà được bao quanh bằng tường gạch và hàng rào inox, không có người ở nhà, xung quanh vắng vẻ, L liền dựng xe ở mé đường, trèo qua tường nhảy vào trong sân. Thấy cửa chính khép, L mở cửa đi vào phòng khách tiếp tục quan sát thấy bên trái phòng khách là phòng bếp, bên phải có cầu thang lên tầng 2 và một phòng ngủ cạnh cầu thang, liền đi vào phòng ngủ thì thấy ở đầu giường có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 trị giá 3.400.000 đồng của ông T. L cầm chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi ra ngoài theo lối cũ và điều khiển xe đi ra đường Thái Hà, vứt bỏ chiếc sim trong chiếc điện thoại trên để tránh bị phát hiện. Khoảng 01 tháng sau, L bán chiếc điện thoại này cho một người đàn ông ở bến xe khách Thái Bình lấy 1.300.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

2. Lần thứ hai: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/10/2023, L điều khiển xe mô tô đi từ nhà theo hướng Quốc lộ 10, rẽ vào đường Thái Hà đến thôn D, xã X. Khi đi đến khu vực nhà bà Nguyễn Thị B thì phát hiện cổng nhà bà Bắc khóa ngoài, không có người ở nhà, xung quanh vắng vẻ, L liền để xe ở bờ sông, trèo

qua tường gạch nhà bà B để vào bên trong. Thấy cửa chính khép, L mở cửa đi vào phòng khách quan sát thấy bên trái có hai phòng ngủ có cửa phòng đối diện nhau. L mở cửa đi vào phòng ngủ gần cửa ra vào thì nhìn thấy có chiếc bàn học sinh nên không vào mà mở cửa vào phòng đối diện, thấy có một tủ đứng kê sát góc tường đối diện cửa ra vào, cửa tủ không khóa. L mở hai cánh tủ thì thấy phía dưới phần để quần áo có một ngăn kéo nhỏ, liền mở ngăn kéo thì nhìn thấy 01 hộp tròn bằng kim loại (dạng hộp đựng bánh kẹo), mở nắp hộp ra thì thấy bên trong có 01 túi nilon màu trắng đựng 01 hộp nhựa màu đỏ và 03 hộp nhựa màu đỏ khác (thường dùng để đựng vàng) ở ngoài túi nilon. L mở hộp nhựa đựng trong túi nilon, thấy bên trong có 1 nhẫn vàng đính đá, 2 nhẫn vàng loại 2 chỉ, 1 nhẫn vàng loại 1 chỉ. L tiếp tục mở các hộp còn lại thì thấy bên trong một hộp có 2 nhẫn vàng loại 2 chỉ và 1 miếng vàng loại 1 chỉ có ghi dòng chữ Agribank gói trong miếng nhựa dẻo trong suốt; một hộp có 02 nhẫn vàng loại 2 chỉ và 1 sợi dây chuyền vàng kèm mặt dây chuyền đính đá; một hộp không có gì. L cho cả 4 hộp nhựa vào túi nilon rồi buộc lại, đặt xuống nền phòng, để hộp kim loại vào ngăn kéo rồi đóng lại. Tiếp đó, L lật quần áo ở ngăn trên thì thấy trên tấm ngăn (mặt ngăn kéo) có để 01 ví vải tối màu, hình chữ nhật, có khóa kéo, ví không khóa. L mở ví thì thấy bên trong có 6 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 3 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 3 tờ mệnh giá 100.000 đồng, liền lấy hết tiền và cầm túi nilon chứa các hộp nhựa đựng vàng cất vào túi quần bên phải rồi đóng cửa tủ lại, đi ra ngoài theo lối cũ, điều khiển xe đi về nhà cất giấu toàn bộ số vàng chiếm đoạt được để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. L khai sau đó đã 3 lần mang số vàng trên bán cho cửa hàng vàng M ở thị trấn Đông Hưng, được tổng số hơn 63.200.000 đồng; 01 lần bán cho cửa hàng vàng LH ở thị trấn Đông Hưng được khoảng 39.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán vàng và số tiền 3.900.000 đồng trộm cắp được, L đã chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tài sản L chiếm đoạt của gia đình bà Nguyễn Thị B được xác định là 108.450.000 đồng.

3. Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 17/11/2023, L điều khiển xe mô tô đi từ nhà theo hướng Quốc lộ 10, rẽ vào đường Thái Hà đến Thôn L, xã X thì phát hiện nhà anh Mai Văn H, sinh ngày 21/11/1981 không có người trông coi, xung quanh vắng vẻ, liền dựng xe ở mé đường, trèo qua tường vào bên trong thì thấy cửa chính khóa, cửa lách bằng tôn khóa, L liền nhặt 01 đoạn sắt phi 16, dài khoảng 25 cm ở gần đó, luồn vào ổ khóa, dùng lực xoay làm khuy khóa gắn với tường bị bung ra. L mở cửa đi vào, thấy trước mặt là ban thờ, bên trái là tủ quần áo bằng nhựa màu vàng kem và một chiếc giường ngủ. Thấy tủ không khóa, L mở tủ thì thấy bên trái có 01 ví màu nâu, trong ví có 2.000.000 đồng, gồm 4 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, liền lấy tiền bỏ vào túi hậu bên phải rồi vút ví vào trong tủ và tiếp tục lục soát thì thấy ở góc tủ có để 01 con lợn tiết kiệm bằng nhựa màu xanh. L nhặt chiếc kéo tại đó (dạng kéo bấm cắt chỉ) đâm rạch dọc bụng con lợn, móc lấy toàn bộ số tiền bên trong bỏ vào túi quần bên phải, rồi vút con lợn vào gầm giường và ra ngoài theo lối cũ, điều khiển xe về nhà, kiểm đếm thấy số tiền vừa trộm cắp được là 10.500.000 đồng, trong

đó, số tiền trong con lợn nhựa là 8.500.000 đồng, gồm: 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 5 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 30 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 60 tờ mệnh giá 50.000 đồng, nhiều tờ mệnh giá 20.000 đồng và 10.000 đồng, tổng là 1.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được L chi tiêu cá nhân hết.

Tổng giá trị tài sản Bùi Văn L chiếm đoạt trong 3 lần trộm cắp của 3 bị hại là 122.350.000 đồng. Trong đó, của ông Ty 3.400.000 đồng; bà Bắc và ông Thịnh 108.450.000 đồng (vàng 18 chỉ 104.550.000 đồng, tại thuờng điểm định giá 23/10 là 5.800.000 đồng/chỉ (18 x 5.800.000 đồng = 104.400.000 đồng; còn lại 150.000 đồng là mặt đá) và tiền mặt 3.900.000 đồng); Anh Huỳnh 10.500.000 đồng.

Các bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS và số 03/KL-HĐĐGTS, cùng ngày 22/01/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: *06 nhẫn trơn, vàng 9999, loại 02 chỉ/nhẫn, trong đó có 4 nhẫn vàng của cửa hàng vàng Mão Thiệt; 01 nhẫn trơn, vàng 9999 loại 01 chỉ; 01 miếng vàng 9999 loại 01 chỉ có ghi dòng chữ Agribank; 01 sợi dây chuyền vàng 9999 loại 3 chỉ kèm mặt dây chuyền đính đá trang trí (không phải đá quý); 01 nhẫn vàng 9999 loại 01 chỉ, có đính đá trang trí (không phải đá quý) có tổng giá trị là 104.550.000 đồng (một trăm linh bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A04 màu đen, phiên bản 64GB mua mới và sử dụng ngày 16/6/2023, định giá tại thời điểm ngày 18/6/2023 có giá trị là 3.400.000 đồng.*

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Bị hại ông Mai Văn T khai: Ngày 18/6/2023, bị cáo Bùi Văn L có trộm cắp của ông 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 trị giá 3.400.000 đồng ở đầu giường phòng ngủ. Ông đã nhận đủ số tiền 3.400.000 đồng mà chị Nguyễn Thị S – vợ bị cáo đã bồi thường cho ông, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Bị hại ông Vũ Bá T1 và bà Nguyễn Thị B khai: Ông bà là vợ chồng. Ngày 23/10/2023, bị cáo Bùi Văn L có trộm cắp của ông bà tổng số 18 chỉ vàng bao gồm: vàng nhẫn tròn, vàng miếng, dây chuyền vàng và số tiền mặt 3.900.000 đồng ở trong tủ. Tổng cộng trị giá tài sản mà bị cáo trộm cắp của ông bà là 108.450.000 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông bà, ông bà tiết kiệm mà có cộng với con gái ông bà là chị Vũ Thị N cho tặng. Bị cáo chưa bồi thường cho ông bà khoản tiền nào. Ông bà nhất trí bị cáo bồi thường giá trị 18 chỉ vàng như Hội đồng định giá đã định giá vào ngày 23/10/2023, 18 chỉ vàng có giá trị là 104.550.000 đồng.

Người làm chứng chị Vũ Thị N khai: Chị là con gái ông Vũ Bá T1 và bà Nguyễn Thị B. Trong số tài sản mà bố mẹ chị bị trộm cắp có 09 chỉ vàng là tài sản mà chị cho tặng bố mẹ chị. Nay bố mẹ chị bị trộm cắp, đối với số vàng mà

chị đã cho tặng bố mẹ chị, chị không có ý kiến gì. Bố mẹ chị là người có toàn quyền quyết định liên quan đến tài sản bị trộm cắp.

Chị Nguyễn Thị S khai: Chị và bị cáo Bùi Văn L là vợ chồng, chị không biết bị cáo trộm cắp tài sản, chị và gia đình không chi tiêu số tiền mà bị cáo có được do trộm cắp tài sản. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động để chị bồi thường cho ông Mai Văn T số tiền 3.400.000 đồng. Chị cam kết cùng với gia đình sẽ bồi thường các khoản còn lại cho vợ chồng ông Thịnh, bà Bắc và anh Huỳnh.

Quá trình điều tra:

Bị hại anh Mai Văn H khai: Ngày 17/11/2023, bị cáo Bùi Văn L trộm cắp của anh số tiền 10.500.000 đồng anh để trong lợn nhựa tiết kiệm trong tủ quần áo. Bị cáo chưa bồi thường cho anh khoản tiền nào. Anh đề nghị buộc bị cáo phải trả cho anh số tiền trên.

Người làm chứng ông Bùi Khắc L và anh Bùi Khắc T3 khai: Ông L là bố đẻ của anh T3. Anh T3 là em rể của bị cáo. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Angel, sơn màu xanh, biển số 17H6-1905 là của ông Lịch, anh Tú là người cho bị cáo mượn xe. Ông L và anh T3 không biết bị cáo dùng xe vào việc trộm cắp. Ông L đã nhận lại xe và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKSQP ngày 27/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Bùi Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi Văn L. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Văn L từ 04 năm 06 tháng tù đến 04 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/01/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn L phải bồi thường cho ông Vũ Bá Thịnh và bà Nguyễn Thị B số tiền 108.450.000 đồng, bồi thường cho anh Mai Văn H số tiền 10.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu để tiêu hủy: 01 con lợn tiết kiệm bằng nhựa màu xanh; 01 chiếc kéo bấm (kéo cắt chỉ) bằng kim loại; 01 vỏ hộp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 64GB.

Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 21 và Điều 23 và Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì với nhau.

Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo đã đi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2023, bị cáo Bùi Văn L đã sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Angel, sơn màu xanh, biển số 17H6-1905 của ông Bùi Khắc L, đi lang thang, lợi dụng chủ sở hữu tài sản đi vắng, đã 03 lần đột nhập vào nhà của 03 hộ dân cư trú tại xã X để trộm cắp tài sản, cụ thể: Khoảng 14 giờ ngày 16/8/2023 trèo qua tường, vào phòng ngủ của ông Mai Văn T ở Thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình trộm cắp ở đầu giường 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 64GB trị giá 3.400.000 đồng của ông Mai Văn T; Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/10/2023, L trèo qua tường vào nhà bà Nguyễn Thị B, ông Vũ Bá T1 ở thôn D, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình lấy ở tủ để quần áo, tổng 18 chỉ vàng loại 9999, trị giá 104.550.000 đồng và 3.900.000 đồng tiền mặt của vợ chồng ông

Thịnh, bà Bắc; Khoảng 09 giờ ngày 17/11/2023, trèo qua tường vào nhà anh Mai Văn H ở Thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình trộm cắp số tiền 2.000.000 đồng trong ví và 01 con lợn nhựa ở tủ quần áo, bên trong con lợn có số tiền 8.500.000 đồng của anh Mai Văn H. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của 03 bị hại là 122.350.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Bộ luật Hình sự: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu, bị cáo không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, giữa ban ngày lợi dụng chủ tài sản vắng nhà, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho ông Mai Văn Ty, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, lại phải nuôi con nhỏ vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 3.400.000 đồng bằng trị giá chiếc điện thoại di động đã chiếm đoạt của ông Mai Văn T. Ông T đã nhận và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Bị hại Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bá T1 và anh Mai Văn H yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt. Riêng số vàng bị cáo chiếm đoạt của bà Bắc và ông T1, ông bà yêu cầu bị cáo bồi thường ngang giá bằng tiền theo kết quả định giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này giữa bị cáo với ông Thịnh và bà Bắc.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 con lợn tiết kiệm bằng nhựa màu xanh; 01 chiếc kéo bấm (kéo cắt chỉ) bằng kim loại; 01 vỏ hộp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 64GB giá trị không đáng kể, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu huỷ là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Angle, biển số 17H6 - 1905, qua điều tra xác định là tài sản của ông Bùi Khắc L. Ông L cho bị cáo L mượn, nhưng không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông L và ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho ông Lịch.

Đối với 01 đoạn kim loại bị cáo sử dụng cạy phá khóa cửa nhà anh Mai Văn H, anh H đã bán phế liệu; 01 chiếc ví vải đựng tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Huỳnh; 01 chiếc túi vải đựng tiền và 01 hộp kim loại hình lăng trụ tròn đựng vàng của gia đình bà Nguyễn Thị B đã được gia đình các bị hại dọn dẹp, vứt bỏ. Đối với 01 túi nilon, 01 miếng nhựa dẻo, 04 hộp nhựa màu đỏ đựng vàng bị cáo chiếm đoạt của gia đình bà Bắc và 01 chiếc Sim điện thoại di động của ông Mai Văn T. Các vật chứng này Cơ quan điều tra không quản lý được.

Đối với số vàng bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị B, bị cáo khai đã bán cho cửa hàng vàng M và cửa hàng vàng LD ở thị trấn Đông Hưng, cửa hàng nấu chảy để chế tác sản phẩm mới nên Cơ quan điều tra không quản lý được số vàng trên.

[8] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố

tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 24/01/2024.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự: Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và ông Mai Văn T về việc bị cáo bồi thường cho ông T giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 trị giá 3.400.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại:

Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị B số tiền 108.450.000 đồng (*Một trăm linh tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*);

Anh Mai Văn H 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu để tiêu huỷ: 01 con lợn tiết kiệm bằng nhựa màu xanh; 01 chiếc kéo bấm (kéo cắt chỉ) bằng kim loại; 01 vỏ hộp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 64GB.

(Các vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q ngày 28/3/2024)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 21, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Bùi Văn L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.947.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải nộp 6.147.500 đồng (*Sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Bùi Văn L, bị hại ông Mai Văn T, ông Vũ Bá T1 và bà Nguyễn Thị B có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Mai Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Q;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã H, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên